



UBND PHƯỜNG THANH KHÊ
TRƯỜNG MẦM NON HẢI ĐƯỜNG

BẢNG KÊ CHI TIẾT THỰC ĐƠN TIỀN CHỢ

Ngày 21 tháng 10 năm 2026

1/ THỰC ĐƠN : MẪU GIÁO - NHÀ TRẺ

+ **Bữa sáng:** Soup bắp thịt heo tàu hủ

+ **Bữa trưa:**

- Món mặn: Tôm thịt sốt khoai tây

- Món canh: Tôm rau tần ô

- Món xào: Bắp mỹ hấp

- Phụ trưa: Yoourt

+ **Bữa chiều:**

- Ăn xế: nui sao thịt bò

2/ TÍNH TIỀN ĂN TRONG NGÀY

Định mức chi tiền ăn trong ngày		Số suất ăn trong ngày		Thực chi	Chênh lệch cuối ngày (thừa/ thiếu)
		Nhà trẻ	Mẫu giáo	Thực phẩm	
- Ăn sáng: (10.000đ/ cháu/ ngày)	4,230,000	114	309	3,599,500	630,500
- Ăn chính, ăn xế: (26.000đ/ cháu/ ngày)	10,998,000	114	309	11,628,500	(630,500)
Tổng tiền chợ:	15,228,000			15,228,000	-
Tổng số học sinh đi học:	423				
XUẤT KHO : Sữa bột DD Ellac Family	16.33				
+ Sữa sáng: (5.000đ/ cháu/buổi)	7.42				
+ Sữa chiều: (6.000đ/cháu/buổi)	8.91				

3/ Chi tiết thực đơn tiền ăn trong ngày:

SỐ TT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (đ)	THÀNH TIỀN	GHI CHÚ
I	Ăn sáng				3,599,500	
1	Bột báng (10 kg/bao)	kg	1.50	37,000	55,500	
2	Tàu hủ non (hộp)	Hộp	20.00	17,000	340,000	
3	Hạt sen tươi	kg	2.00	300,000	600,000	
4	Trứng gà (quả)	Quả	40.00	3,600	144,000	
5	Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)	Gói	1.00	4,000	4,000	
6	Đường phèn	kg	0.50	38,000	19,000	
7	Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)	Chai	0.50	82,000	41,000	
8	Hành tỏi	kg	0.30	60,000	18,000	
9	Thịt nạc vai	kg	12.00	140,000	1,680,000	
10	Bột năng Vĩnh Thuận 400gr (5 gói/xách, 20 gói/bao)	Gói	6.00	19,000	114,000	
11	Cà rốt Hà Nội sơ chế	kg	4.00	32,000	128,000	
12	Bắp hạt tươi	kg	6.00	65,000	390,000	
13	Mắm Nam Ngư Độ Nhị 800ml (18 chai/thùng)	Chai	1.00	23,000	23,000	
14	Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)	Gói	1.00	43,000	43,000	
II	Ăn chính + phụ				11,628,500	

1	Gạo bồ câu (cỏ may)	kg	24.00	21,000	504,000	
2	Khoai tây gọt vỏ	#N/A	9.00	32,000	288,000	
3	Hành tây	kg	2.00	25,000	50,000	
4	Thịt vai có da	kg	16.00	130,000	2,080,000	
5	Tôm loại 1	kg	10.40	230,000	2,392,000	
6	Sữa chua có đường Vinamilk 60gr (48 hộp/thùng)	Hộp	425.00	5,800	2,465,000	
7	Dầu hào Maggi 350gr (24 chai/thùng, 12chai /thùngk)	Chai	3.00	32,000	96,000	
8	Muối iốt 500g (0.5kg/gói; 100 gói/bao)	Gói	1.00	4,000	4,000	
9	Rau tần ô	kg	9.00	50,000	450,000	
10	Đường phèn	kg	0.50	38,000	19,000	
11	Nui sao Safoco 500gr (18 gói/thùng)	Gói	14.00	37,000	518,000	
12	Dầu Neptune 1L (12 chai/thùng)	Chai	2.50	82,000	205,000	
13	Hành tỏi	kg	0.30	60,000	18,000	
14	Đường vàng An Khê (1kg/gói; 20 gói/bao)	Gói	2.00	39,000	78,000	
15	Hành lá	kg	0.41	50,000	20,500	
16	Tiêu xay rong tay nguyên (tiêu thương)(500gr/gói)	kg	0.10	180,000	18,000	
17	Thịt bò đùi	kg	7.30	270,000	1,971,000	
18	Bắp mỹ trái (kg)	kg	10.00	38,000	380,000	
19	Mắm Nam Ngư Độ Nhị 800ml (18 chai/thùng)	Chai	1.00	23,000	23,000	
20	Hạt nêm Knorr 400g (16 gói/thùng)	Gói	1.00	43,000	43,000	
21	Muối sống (hạt) (50kg/bao)	kg	1.00	6,000	6,000	
TỔNG CỘNG					15,228,000	

Bảng chữ: Mười lăm triệu hai trăm hai mươi tám ngàn đồng./.